TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B – TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 05 - 01 -2021
" V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản "

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

-***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Đức

2. Ông Đặng Hoàng Mích

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 08 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXX-ST ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị Lệ H**, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp Vinh Xương, xã Vang Quới Đông, huyện B, tỉnh E.

2. Bị đơn: **1/ Nguyễn Thị Diễm T**, sinh năm 1979

2/ Huỳnh Văn T1, sinh năm 1975

Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh E.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 08 năm 2020 và những lời trình bày tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị LệH trình bày như sau:

Từ năm 2014 đến năm 2017 bà có cho bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 vay nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 24/7/2014 vay 300.000.000 đồng; ngày 9/6/2014 vay 300.000.000 đồng; ngày 29/3/2015 vay 200.000.000 đồng;ngày 14/6/2015 vay 300.000.000 đồng; ngày 08/4/2016 vay 250.000.000 đồng; ngày 27/12 vay 170.000.000 đồng; ngày 19/7/2017 vay 200.000.000 đồng; ngày 23/7/2017 vay 100.000.000 đồng; ngày 28/7/2017 vay 500.000.000 đồng; ngày 06/8/2017 vay 1.800.000.000 đồng; ngày 06/11/2017 vay 100.000.000 đồng. Tất cả những khoản vay trên đều có giấy nợ. Trong quá trình vay thì ông Huỳnh văn T1, bà T có trả nợ cho bà nhiều lần. Tại biên bản làm việc ngày 28/7/2020 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh E thì bà Nguyễn Thị Diễn T thống nhất còn nợ bà 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng). Vì vậy nay bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải trả lại cho bà 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng) không yêu cầu tính lãi suất.

* Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 không đến nên Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1.

** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Đối với Thẩm phán tuân thủ đúng Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Về thu thập chứng cứ thì Thẩm phán có tiến hành thu thập theo quy định. Tuy nhiên, Thẩm phán còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự theo quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với vi phạm của Thẩm phán không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử khắc phục trong thời gian tới.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 92, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị LệH đối với bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải trả cho Trần Thị LệH số tiền vay là 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng) . Ghi nhận bà Trần Thị LệH không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 có hộ khẩu tại khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh E căn cứ vào Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 vẫn vắng mặt không có lý do cho nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của bà Trần Thị LệH đối với bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 đối với số tiền là 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng) , Hội đồng xét xử xét thấy bà Trần Thị Lệ H căn cứ vào biên bản làm việc ngày 28/7/2020 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh E (Bút lục 23) để khởi kiện bà T, ông T1. Tuy không thu thập được lời khai bà T, ông T1 nhưng quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo các chứng cứ nêu trên cho bị đơn nhưng bà T, ông T1 không có ý kiến gì cũng không tham gia tố tụng điều đó chứng tỏ bà T, ông T1 đã từ bỏ quyền bác bỏ yêu cầu của người khác đối với mình theo quy định tại khoản 3 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; đồng thời bà T, ông T1 không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà bàH đưa ra nên đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời tại biên bản làm việc ngày 28/7/2020 của Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an tỉnh E thì bà Nguyễn Thị Diễn T thống nhất còn nợ bà 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng) đây cũng là tình tiết không phải chứng minh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Từ cơ sở trên, xác định giữa bàH và bà T, ông T1 có quan hệ giao dịch vay tiền được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng vay thấy rằng, bàH đã thực hiện nghĩa vụ giao tiền cho bà T, ông T1. Bà T, ông T1 chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả tiền cho bàH là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Nên yêu cầu khởi kiện của bàH được chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm liên đới: BàH khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà T, ông T1 cùng liên đới trả nợ. Thấy rằng bà T, ông T1 có đăng ký kết vào ngày 10/5/2099 (Bút lục 36, 37) và phục vụ kinh tế gia đình, vì số nợ trên phát sinh trong thời gian vợ chồng ông bà còn sống chung, nên khi phát sinh nợ ông T1 cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng bà T trả nợ cho bàH là đúng quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014. Như vậy buộc bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải liên đới trả cho bà Trần Thị LệH số tiền 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng). Ghi nhận bà Trần Thị Lệ H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

[4] Đối với đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện B phù hợp với hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: buộc

bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải chịu là 36.000.000đồng + 3%(1.070.000đồng) = 68.100.000đồng (Ba mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.050.000đồng (Ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000815 ngày 06/08/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, 92, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 ; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ H đối với bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải liên đới trả cho bà Trần Thị LệH số tiền là số tiền 1.870.000.000 đồng (Một tỉ tám trăm bảy mươi triệu đồng).

Ghi nhận bà Trần Thị Lệ H không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ngày bà Trần Thị LệH có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 phải chịu là 68.100.000đồng (Ba mươi tám triệu một trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Trần Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 34.050.000đồng (Ba mươi bốn triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000815 ngày 06/08/2020, của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh E.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ H được quyền kháng cáo bản án trong thời

hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn bà Nguyễn Thị Diễm T, ông Huỳnh Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh E;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện B;
-Chi cục THA dân sự huyện B;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Lê Thị Thu Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

…… …… - …… Lê Thị Thu Hương